

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 13)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại Tờ trình số 161/TTr-HĐBT ngày 13/9/2021.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 13), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và bổ sung; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **7.778.392.433 đồng** (Bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho 29 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **7.272.307.435 đồng**, như sau:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 7.115.760.700 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 142.315.214 đồng.
- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 14.231.521 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

d) Giá trị bồi thường, hỗ trợ mồ mả và vật kiến trúc cho 11 hộ dân và bổ sung giá trị mộ có xác chưa phân hủy cho 19 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **506.084.998 đồng**, như sau:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 495.190.800 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 9.903.816 đồng.
- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 990.382 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

**Điều 2.** Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch Hội đồng bồi

thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 13)**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Hộ dân                               | Địa chỉ  | Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|-----|--------------------------------------|--|-----------------------------------|
| 1   | Huỳnh Ngọ, con Huỳnh Phúc Cường ĐDKK | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 156.132.250                       |
| 2   | Lê Văn Có                            | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 71.168.700                        |
| 3   | Trương Tùy Cang                      | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 117.166.500                       |
| 4   | Trương Văn Sáu                       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 8.924.650                         |
| 5   | Nguyễn Văn Bảy, vợ Huỳnh Thị Thu Hà  | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 85.191.450                        |
| 6   | Nguyễn Thành Công                    | thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 26.971.000                        |
| 7   | Nguyễn Văn Phụng                     | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 4.696.250                         |
| 8   | Huỳnh Văn Trạm                       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 115.247.200                       |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>                               | <b>Địa chỉ</b>                                 | <b>Giá trị<br/>bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b> |
|------------|---|--|--|
| 9          | Nguyễn Ngọc Sanh, chị Nguyễn Thị Ôn (Đ DKK) | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 40.615.000                                   |
| 10         | Huỳnh Văn Nở, vợ Dương Thị Minh Trung       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 815.947.850                                  |
| 11         | Đặng Văn Hùng                               | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 48.552.000                                   |
| 12         | Nguyễn Văn Sâm                              | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 12.831.000                                   |
| 13         | Huỳnh Kim Long, vợ Nguyễn Thị Mai Lộc       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 119.955.000                                  |
| 14         | Cao Thiệt (chết), vợ Lương Thị Ngọc Dung,   | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 206.779.700                                  |
| 15         | Nguyễn Văn Cảnh, vợ Nguyễn Thị Lý           | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 74.704.000                                   |
| 16         | Đặng Thị Khánh, con Nguyễn Ngọc Thoại ĐDKK  | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 17.152.150                                   |
| 17         | Huỳnh Văn Thắng vợ Nguyễn Thị Thu           | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 581.000                                      |
| 18         | Nguyễn Văn Cầu (chết), vợ Võ Thị Nữ         | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 1.133.895.800                                |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>  | <b>Địa chỉ</b>                                    | <b>Giá trị<br/>bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b> |
|------------|--|---|--|
| 19         | Nguyễn Thanh Trang                                       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 331.779.200                                  |
| 20         | Đào Cảnh Huy, chú Đào Cảnh<br>Nhân ĐDKK                  | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 636.000.400                                  |
| 21         | Nguyễn Thành Vinh, ủy quyền kê<br>khai Nguyễn Quốc Việt  | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 305.940.100                                  |
| 22         | Nguyễn Văn Trứ   | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 1.055.033.800                                |
| 23         | Phạm Thị Sang  | Thôn Kinh Tế, xã Canh Vinh,<br>Huyện Vân Canh     | 912.948.800                                  |
| 24         | Phan Nghè  | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 41.618.500                                   |
| 25         | Nguyễn Đức Hậu, con Nguyễn<br>Đức Thành ĐDKK             | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh | 30.487.100                                   |
| 26         | Trần Lê Minh Đức, vợ Võ Thanh<br>Trang                   | Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện<br>Vân Canh         | 28.968.800                                   |
| 27         | Phạm Văn Cường   | Thôn An Long 1, xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh   | 21.206.500                                   |
| 28         | Huỳnh Đâu (chết), ông Huỳnh Văn<br>Bông đại diện kê khai | Thôn Hiệp Vinh 2 xã Canh Vinh,<br>huyện Vân Canh  | 695.266.000                                  |
| <b>A-</b>  | <b>Tổng giá trị BT, HT</b>                               |   | <b>7.115.760.700</b>                         |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>  | <b>Địa chỉ</b> | <b>Giá trị<br/>bồi thường, hỗ trợ (đồng)</b> |
|------------|--|----------------|--|
| <b>B-</b>  | <b>Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)</b>                    |                | <b>142.315.214</b>                           |
| <b>C-</b>  | <b>Chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (B*10%)</b> |                | <b>14.231.521</b>                            |
| <b>D-</b>  | <b>Tổng cộng (A+B+C)</b>                               |                | <b>7.272.307.435</b>                         |









**Phụ lục số 02****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH ĐỊNH TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 13)***(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>  | <b>Địa chỉ</b>                                 | <b>Giá trị<br/>BT, HT, BS (đồng)</b> |
|------------|--|--|--------------------------------------|
| 1          | Huỳnh Hữu Ích, vợ Nguyễn Thị Minh Hòa                    | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>2.220.000</b>                     |
| 2          | Cao Ngọc Lan, vợ Võ Thị Hoài Hiệp                        | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>4.440.000</b>                     |
| 3          | Huỳnh Ngọc Du, vợ Trịnh Thị Hương                        | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | <b>2.220.000</b>                     |
| 4          | Nguyễn Ngọc Sanh   | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>2.220.000</b>                     |
| 5          | Đào Thị Đào  | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>2.220.000</b>                     |
| 6          | Đào Cảnh Tiên  | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | <b>4.440.000</b>                     |
| 7          | Mộ Thanh Minh Thôn Hiệp Vinh 2, ông Nguyễn Đăng Thứ ĐDKK | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>39.960.000</b>                    |
| 8          | Nguyễn Thị Lệ, con Phạm Minh Trán ĐDKK                   | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>60.493.200</b>                    |
| 9          | Phạm Phòng   | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | <b>68.876.800</b>                    |
| 10         | Mai Ngọc Hùng, vợ Nguyễn Thị Qua                         | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | <b>30.044.000</b>                    |
| 11         | Nguyễn Thúc Tuân   | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | <b>156.154.800</b>                   |
| 12         | Đào Cảnh Huy   | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>                        | <b>Địa chỉ</b>                                 | <b>Giá trị<br/>BT, HT, BS (đồng)</b> |
|------------|--------------------------------------|--|--------------------------------------|
| 13         | Nguyễn Công Mẫn, vợ Trịnh Thị Phượng | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 11.082.000                           |
| 14         | Nguyễn Thị Bích Thọ                  | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 11.082.000                           |
| 15         | Hồ Văn Sung, vợ Phạm Thị Tư          | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | 11.082.000                           |
| 16         | Nguyễn Văn Phụng, vợ Phan Thị Thương | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 17         | Nguyễn Đức Hậu, vợ Hồ Thị Xuân Hương | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 18         | Võ Sơn Nam, vợ Nguyễn Thị Trúc Tô    | Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh      | 5.541.000                            |
| 19         | Huỳnh Đền                            | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 20         | Trương Hữu Chính, vợ Nguyễn Thị Châu | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 21         | Đào Cư, vợ Phan Thị Thanh Đạm        | Thành phố Quy Nhơn                             | 5.541.000                            |
| 22         | Nguyễn Ngọc Mì                       | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 23         | Lê Văn Thạch, vợ Nguyễn Thị Hường    | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | 5.541.000                            |
| 24         | Nguyễn Thị Xuân Hồng                 | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 25         | Phạm Cảnh Hậu                        | Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 26         | Nguyễn Văn Tám, vợ Đặng Thị Quế      | Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh      | 5.541.000                            |
| 27         | Nguyễn Văn Bồi, vợ Võ Thị Hồng       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 28         | Lê Đình Nguyên, vợ Lê Thị Bình       | Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh | 5.541.000                            |
| 29         | Hồ Thị Dư                            | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh    | 5.541.000                            |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b>                                     | <b>Địa chỉ</b>                                 | <b>Giá trị<br/>BT, HT, BS (đồng)</b> |
|------------|---|--|--------------------------------------|
| 30         | Huỳnh Văn Ba, vợ Lê Thị Hương                     | Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện<br>Vân Canh | 5.541.000                            |
| <b>I</b>   | <b>Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và bổ sung</b> |  | <b>495.190.800</b>                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí phục vụ GPMB (2% )=Ix2%</b>            |  | <b>9.903.816</b>                     |
| <b>III</b> | <b>Chi phí phục vụ cưỡng chế =Ix10%</b>           |  | <b>990.382</b>                       |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng cộng</b>                                  |  | <b>506.084.998</b>                   |

| <b>STT</b> | <b>Hộ dân</b> | <b>Địa chỉ</b> | <b>Giá trị<br/>BT, HT, BS (đồng)</b> |
|------------|---------------|----------------|--------------------------------------|
|------------|---------------|----------------|--------------------------------------|















